

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Ngẫu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Đổi;

2. Ông Nguyễn Văn Hân.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Mộng Thuý- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 132/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 12-10- 2000;

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông W, S - K, sinh ngày 19-7-1982;

Địa chỉ cư trú: số B, lầu F, đường N, khóm C, phường Đ, khu Đ, thành phố Đ, Đà Loan. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18-9-2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T trình bày:

Chị và anh W, S - K kết hôn ngày 12-7-2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh, Thời gian đầu sống với nhau tương đối hạnh phúc; càng về sau thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm, tính tình và lối sống khác biệt nhau, công việc, nơi cư trú, tình cảm vợ chồng rạn nứt, chị thì ở lại Việt Nam, còn chồng thì về Đà Loan và không trở lại Việt Nam nữa. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hoà giải hàn gắn lại được. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng chị đã sống ly thân, không còn liên lạc với nhau. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh W, S - K.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Tại Bản tự khai và Đơn cam kết đồng ý ly hôn lập cùng ngày 22-8-2023 đã được dịch từ tiếng Trung Quốc sang tiếng Việt Nam, được Phòng Tư pháp Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực, anh W, S – K trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về việc đăng ký kết hôn, nơi đăng ký, thời gian chung sống hạnh phúc, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và thời gian sống ly thân. Nay anh cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: anh W, S – K trình bày không có, nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc T, cho chị T được ly hôn với anh W, S – K. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Vào ngày 19-12-2023, Chị Nguyễn Ngọc T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; Tại Bản tự khai và Đơn cam kết đồng ý ly hôn lập cùng ngày 22-8-2023 đã được dịch từ tiếng Trung Quốc sang tiếng Việt Nam, được Phòng Tư pháp Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực, anh W, S – K trình bày, xin Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị T và anh W, S – K.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc T, thấy rằng:

[2.1] Chị Nguyễn Ngọc T và anh W, S – K kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh vào ngày 12-7-2023, vào Sổ đăng ký kết hôn số 56. Thời gian đầu, anh chị sống với nhau tương đối hạnh phúc, càng về sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng về ngôn ngữ, quan điểm, tính tình và lối sống khác biệt nhau, công việc, nơi cư trú, tình cảm vợ chồng rạn nứt, chị T thì ở lại Việt Nam, còn anh W, S – K thì về Đài Loan và không trở lại Việt Nam nữa, hiện nay đã sống ly thân, không liên lạc với nhau.

[2.2] Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh W, S – K không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu được ly hôn, anh W, S – K đồng ý ly hôn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh W, S – K.

[3] Tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên ghi nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: chị **T** và anh **W, S - K** trình bày không có, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: chị **Nguyễn Ngọc T** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Ngọc T** đối với anh **W, S - K**.

Cho chị **Nguyễn Ngọc T** được ly hôn với anh **W, S - K**.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: chị **Nguyễn Ngọc T** và anh **W, S - K** trình bày không có, nên không đặt ra giải quyết.

3. Án phí: chị **Nguyễn Ngọc T** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị **T** đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000078 ngày 04-10-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị **T** đã nộp xong.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, theo thời hạn như sau:

Chị **Nguyễn Ngọc T** được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, anh **W, S - K** được quyền kháng cáo trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT2 TANDTC- (Vụ 2);
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Tối cao;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh TN;
- Các đương sự;
- Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Lưu hồ sơ.

Võ Văn Ngâu